

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI
Bản án số: 37/2025/HS-ST
Ngày: 16-12-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Nghiênn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Mai và bà Trịnh Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Dên – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2025/TLST-HS, ngày 21/11/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HS ngày 02/12/2025 đối với bị cáo:

Trần Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh năm 1971, tại Hưng Yên; Nơi thường trú: Thôn Văn Hồng, phường Trần Lãm, T Hưng Yên; Nơi ở hiện tại: Làng Om, xã Ia Khroi, T Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 00/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Số định danh cá nhân: 034071013369 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ công an cấp; con ông: Trần Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết). Bị cáo có vợ là Phạm Thị Vang (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 1998. Tiền sự: Không, tiền án: 01.

Bản án số 102/2023/HS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, T Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi) xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Chưa xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà L Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Kon Rơ Bang 1, xã Ngok Bay, T Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Y Ml, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Kon Rơ Bang 1, xã Ngok Bay, T Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Phạm Công D, sinh năm 2012.

Người đại diện hợp pháp của Phạm Công D: Bà L Thị M, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Thôn Kon Rơ Bang 1, xã Ngok Bay, T Quảng Ngãi. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 14/7/2025, Trần Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 82E1-046.17 đi làm rẫy tại thôn Tân Điền, xã Ia Chim, T Quảng Ngãi. Đến khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày, sau khi làm rẫy về Đ đến tiệm tạp hoá của bà L Thị M tại thôn Kon Rơ Bang 1, xã Ngok Bay, T Quảng Ngãi để ăn bánh xèo. Đ ngồi trong quán thấy 01 chiếc túi da màu nâu của bà M đang để trên bàn nhựa màu đỏ trong quán nên nảy sinh ý định lấy trộm chiếc túi này. Quan sát thấy bà M đang bán hàng ở phía trước quán, gần chiếc túi có Phạm Công D (sinh năm 2012, là cháu nội của bà M) đang nằm chơi. Đ giả vờ nói D bán cho 01 lưỡi dao lam thì D đứng dậy đi ra phía sau tủ hàng để lấy dao lam. Lúc này, không ai trông coi chiếc túi nên Đ đi đến vị trí để chiếc túi rồi dùng tay phải lén lút cầm chiếc túi kẹp vào nách bên trái sau lớp áo khoác Đ đang mặc. Lấy xong, Đ nói không mua dao lam nữa và đi ra xe rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà tại Làng Om, xã Ia Khuol, T Gia Lai. Tại nhà, Đ mở túi ra kiểm tra thì thấy bên trong có số tiền 700.000, đ (*bảy trăm nghìn đồng*), 20 thẻ cào điện thoại hiệu mobifone mệnh giá 20.000, đ (*hai mươi nghìn đồng*), 01 Remote chìa khóa xe mô tô, 01 căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế tất cả đều mang tên L Thị M và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Võ Công Triều. Đ lấy tiền, thẻ cào cất vào người, còn giấy tờ tùy thân bỏ lại vào trong túi mang ra giấu trong bụi cỏ sau vườn nhà. Sau đó, Đ dùng số tiền trộm cắp được tiêu xài cá nhân hết, 20 thẻ cào điện thoại hiệu mobifone Đ đã cho một số thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 305/KL-HĐĐGTS ngày 29/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên cấp T trong tố tụng hình sự - T Quảng Ngãi kết luận giá trị của: 20 thẻ cào điện thoại mobifone có ghi mệnh giá 20.000 đồng tại thời điểm chiếm đoạt là 400.000, đ (*Bốn trăm nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKS-KV7 ngày 20/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51;

Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn Đ mức án tù 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bà L Thị M số tiền 1.100.000 (*Một triệu một trăm nghìn đồng*). Bà M đã nhận tiền và không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an T Quảng Ngãi đã tiến hành xử lý các vật chứng như sau:

Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà L Thị M tài sản là: 01 (một) túi da màu nâu có dây đeo, đã qua sử dụng, 01 (một) căn cước công dân mang tên L Thị M, 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên L Thị M, 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên L Thị M, 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên Võ Công Triều, 01 (một) chìa khóa từ xe máy (hãng Honda).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 truy tố, không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có tại hồ sơ vụ án và nội dung bản cáo trạng, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 14/7/2025 tại thôn Kon Rơ Bang 1, xã Ngọc Bay, T Quảng Ngãi, Trần Văn Đ đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là: số tiền 700.000, đ (*Bảy trăm nghìn đồng*); 20 thẻ cào điện thoại hiệu mobifone có giá trị là 400.000, đ (*Bốn trăm nghìn đồng*); 01 (một) túi da màu nâu có dây đeo, đã qua sử dụng; 01 (một) căn cước công dân mang tên L Thị M; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên L Thị M; 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên L Thị M; 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên Võ Công Triều; 01 (một) chìa khóa từ xe máy (hãng Honda) của bà L Thị M. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị cáo chiếm đoạt của bà L Thị M có giá trị là **1.100.000, đ** (*Một triệu một trăm nghìn đồng*).

Đối với Trần Văn Đ ngày 16/8/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, T Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi) xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 102/2023/HS-ST (Chưa xóa án tích) ngày 14/7/2025 tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp đây là tình tiết cấu thành tội trộm cắp tài sản. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận, hành vi của Trần Văn Đ đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó bản cáo trạng của viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, mục đích chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân. Vì vậy cần cách ly bị cáo với đời sống xã hội để tiếp tục cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu đã có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an T Quảng Ngãi đã tiến hành xử lý các vật chứng như sau:

Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà L Thị M tài sản là: 01 (một) túi da màu nâu có dây đeo, đã qua sử dụng, 01 (một) căn cước công dân mang tên L Thị M, 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên L Thị M, 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên L Thị M, 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên Võ Công Triều, 01 (một) chìa khóa từ xe máy (hãng Honda) là đúng với quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bà L Thị M số tiền 1.100.000 (Một triệu một trăm nghìn) đồng. Bà M đã nhận tiền và không có yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 11/9/2025.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Văn Đ.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 21; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Bị cáo Trần Văn Đ phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/12/2025) bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND T Quảng Ngãi;
- TAND T Quảng Ngãi;
- VKSND KV7;
- Cơ quan CSĐT CA T QN;
- Trại tạm giam số 2 - CA Quảng Ngãi;
- Phòng Thi hành án dân sự KV7;.
- Bị cáo; Bị hại;
- Người CQLNV liên quan;
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá Nghiên